

# TỔNG QUAN MỘT SỐ NGHIÊN CỨU VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIÁO DỤC TẠI VIỆT NAM

Lê Hoàng Tuấn - Võ Thị Thanh Nhân - Ngô Đại Hùng

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: hungnd@tdmu.edu.vn

**Tóm tắt:** Hiện nay, các công trình nghiên cứu về bình đẳng giới tại Việt Nam đã chỉ ra rằng bất bình đẳng giới trong giáo dục vẫn còn tồn tại, đặc biệt là đối với trẻ em gái. Bài viết này tập trung vào phân tích tầm quan trọng của việc cải thiện nhận thức xã hội, điều chỉnh chương trình học và xây dựng môi trường học tập không phân biệt giới để thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Bình đẳng giới; giáo dục; bất bình đẳng giới.

Nhận bài: 25/4/2025; Biên tập: 26/4/2025; Phản biện: 27/4/2025; Duyệt đăng: 28/4/2025.

## 1. Đặt vấn đề

Vấn đề về giới trong giáo dục luôn là một chủ đề được quan tâm rộng rãi và cấp thiết, đặc biệt trong bối cảnh xã hội ngày nay, khi mà quyền tiếp cận giáo dục của học sinh, bất kể giới tính, đang trở thành yếu tố quan trọng trong việc phát triển bền vững của một quốc gia. Tại Việt Nam, mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện bình đẳng giới trong giáo dục, nhưng thực tế vẫn tồn tại nhiều rào cản làm ảnh hưởng đến sự phát triển của học sinh, đặc biệt là học sinh nữ. Sự phân biệt giới tính trong việc tiếp cận giáo dục và các cơ hội học tập vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi, đặc biệt là tại các khu vực nông thôn và miền núi.

Trong những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện nhằm tìm hiểu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự bình đẳng giới trong giáo dục, cũng như những thách thức mà học sinh, đặc biệt là học sinh nữ, phải đối mặt. Các nghiên cứu này không chỉ làm rõ các vấn đề như nhận thức cộng đồng, vai trò của gia đình, các yếu tố xã hội, mà còn chỉ ra những bất bình đẳng tồn tại trong môi trường học đường và trong quá trình học tập của học sinh. Những rào cản này không chỉ có ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh nữ mà còn hạn chế khả năng phát triển toàn diện của các em.

Bài viết này sẽ tổng quan một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về bình đẳng giới đối với học sinh tại Việt Nam, làm rõ những vấn đề mà các nghiên cứu này đã chỉ ra, đồng thời cung cấp cái nhìn tổng quan về tình trạng bình đẳng giới trong giáo dục hiện nay. Thông qua việc phân tích các công trình nghiên cứu, bài viết sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về các yếu tố tác động đến sự bình đẳng giới trong giáo dục và những giải pháp có thể thực hiện để cải thiện tình hình này.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi áp dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết nhằm tìm kiếm, phân tích và tổng hợp các yếu tố liên quan đến bình đẳng giới trong giáo dục tại Việt Nam.

## 3. Tổng quan một số công trình nghiên cứu về giới đối với học sinh tại Việt Nam

### 3.1. Căn cứ pháp lý về quyền bình đẳng giới trong giáo dục

Để đạt được bình đẳng giới trong giáo dục, không chỉ cần can thiệp mạnh mẽ từ các cá nhân mà còn cần có sự thay đổi đồng bộ từ các chính sách, nhận thức xã hội và cải thiện các điều kiện kinh tế, đặc biệt là ở các khu vực khó khăn. Theo Điều 26 của Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1948, trong đó, giáo dục được công nhận là quyền cơ bản của tất cả trẻ em, không phân biệt giới, bao gồm cả trẻ em trai và trẻ em gái. Mục tiêu 5 trong các mục tiêu giáo dục cho mọi người, mục tiêu là “Đến năm 2005, loại bỏ sự bất bình đẳng giới trong giáo dục tiểu học và trung học, và đạt được bình đẳng giới trong giáo dục ở tất cả các cấp vào năm 2015” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016).

Các nghiên cứu về chính sách pháp luật về bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo đã chỉ ra rằng các công ước quốc tế về quyền trẻ em và các luật quốc gia cam kết bảo vệ quyền bình đẳng giới trong giáo dục, đào tạo và phát triển nghề nghiệp (Nguyễn Phương Cường và Nguyễn Thị Hoài Anh, 2023). Pháp luật Việt Nam quy định rằng mọi trẻ em, không phân biệt giới, đều có quyền được học tập và phát triển tối đa khả năng của mình. Độ tuổi đi học của nam và nữ là tương đương, từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông. Các văn bản pháp lý như *Hiến pháp năm 2013*, *Luật Giáo dục 2019*, *Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi 2018)* và *Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014* khẳng định quyền học tập bình đẳng cho cả hai giới. Các nghiên cứu về bình đẳng giới đã chỉ ra rằng hệ thống pháp luật Việt Nam đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong việc bảo vệ quyền bình đẳng giới, bao gồm việc bảo đảm quyền học tập bình đẳng giữa nam và nữ. Điều này dẫn đến sự phát triển giáo dục cho cả nam và nữ đã có tiến triển, với tỷ lệ nhập học của nữ giới ngày càng tăng, đặc biệt là ở bậc đại học. Mặc dù vẫn tồn tại một số sự khác biệt về tỷ lệ nhập học ở các cấp học,

nhưng khoảng cách giới đã được thu hẹp rõ rệt, chứng minh sự tiến bộ trong bình đẳng giới trong giáo dục.

Trên thực tế, sự lựa chọn ngành nghề học tập hiện nay không còn phân biệt giới, tạo cơ hội bình đẳng cho cả nam và nữ trong mọi lĩnh vực học tập và đào tạo. Pháp luật bảo vệ quyền lợi của cả hai giới trong việc tham gia các chương trình đào tạo nghề, với các chính sách hỗ trợ đặc biệt cho phụ nữ, nhất là tại khu vực nông thôn. Để đạt được bình đẳng giới hoàn toàn trong giáo dục, cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách, cải thiện tỷ lệ tham gia học tập giữa nam và nữ, và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong xã hội.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khoảng cách giữa các vùng miền và các nhóm dân cư, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Bài nghiên cứu của Vũ Thị Lụa (2023) cũng đã phân tích những yếu tố cấu thành sự bất bình đẳng giới trong giáo dục, bao gồm tư tưởng “trọng nam, khinh nữ,” điều kiện kinh tế khó khăn, phong tục tảo hôn và sự thiếu nhận thức của các gia đình về tầm quan trọng của giáo dục và bình đẳng giới. Những yếu tố này vẫn là những rào cản lớn đối với việc tạo ra cơ hội giáo dục bình đẳng cho cả hai giới.

### *3.2. Thực trạng bất bình đẳng giới trong giáo dục tại Việt Nam*

Các chính sách đã phát huy hiệu quả trong việc cải thiện tỷ lệ biết chữ và nhập học của cả hai giới. Tỷ lệ biết chữ của dân số từ 15 tuổi trở lên đã tăng trong các năm qua (2018-2021), tỷ lệ biết chữ của nam giới vẫn luôn cao hơn nữ giới. Tuy vẫn còn sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ biết chữ và tỷ lệ nhập học theo giới tính tại Việt Nam nhưng khoảng cách chênh lệch đã được giảm xuống sự chênh lệch giảm từ 3,3% xuống còn 2,4% vào năm 2021 (Đặng Thị Lan Anh và cộng sự, 2023). Qua đây, phản ánh hiệu quả của các chính sách giáo dục, đặc biệt là trong việc tạo ra cơ hội cho nữ giới tiếp cận giáo dục một cách bình đẳng hơn. Thậm chí, tỷ lệ nhập học của học sinh nữ cao hơn học sinh nam, đặc biệt là ở cấp trung học phổ thông.

Trên thực tế, có sự chênh lệch cơ hội học tập giữa trẻ em trai và trẻ em gái ở các vùng miền. Nghiên cứu về thực trạng bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo ở Việt Nam hiện nay cho thấy sự chênh lệch rõ rệt trong quyền tiếp cận giáo dục đúng độ tuổi giữa các khu vực. Cụ thể, khu vực Đồng bằng Sông Hồng có tỷ lệ trẻ em đi học đúng tuổi cao nhất, nhưng khu vực Tây Nguyên lại có tỷ lệ thấp hơn nhiều. Điều này có thể giải thích bởi yếu tố địa lý, giao thông khó khăn và thiếu hụt giáo viên ở các khu vực như Tây Nguyên (Nguyễn Thị Quỳnh Phương và Nguyễn Thị Kim Anh, 2023). Trong đó, sự phân biệt giới còn thể hiện trong việc tiếp cận giáo dục, với tỷ lệ học sinh nữ ở Đồng bằng sông Hồng cao hơn nhiều so với các vùng khác, trong khi tỷ lệ học sinh nữ ở Tây Nguyên thấp nhất. Tỷ lệ trẻ em gái biết đọc, viết ở bậc tiểu học còn thấp hơn so với trẻ em trai,

và tỷ lệ bỏ học của nữ sinh tăng lên khi lên các bậc học cao hơn.

Sự chênh lệch về giới trong việc tiếp cận giáo dục cũng rõ rệt ở các vùng trên cùng một địa phương, đặc biệt là giữa khu vực đồng bằng và miền núi, cũng như ở những vùng sâu, vùng xa. Ví dụ, nghiên cứu về bình đẳng giới trong tiếp cận giáo dục ở Nghệ An cho thấy, tại những khu vực vùng sâu, vùng xa, trẻ em gái thường phải bỏ học sớm để giúp gia đình làm nông hoặc lo công việc nhà, và tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với các em trai. Cụ thể, trong cuộc khảo sát nhanh đối với 60 hộ gia đình tại ba địa phương gồm thành phố Vinh, huyện Anh Sơn và huyện Kỳ Sơn, đại diện cho ba khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, về các khoản đầu tư vào giáo dục cho con cái, kết quả cho thấy gần như toàn bộ người tham gia khảo sát đều sẵn sàng đầu tư vào việc học văn hóa cho con. Tuy nhiên, mức độ đầu tư vào các chương trình học kỹ năng sống và nghệ thuật lại có sự phân biệt rõ rệt, với khu vực thành phố Vinh có xu hướng đầu tư nhiều hơn so với hai khu vực còn lại. Về tình trạng bỏ học của học sinh THCS huyện Kỳ Sơn trong năm học 2022-2023, có tới 104/154 học sinh nữ bỏ học, chiếm tỷ lệ 69,3% trong tổng số học sinh bỏ học, gấp đôi so với tỷ lệ bỏ học của học sinh nam. Ngoài ra, tỷ lệ học sinh nghỉ học cũng tăng theo cấp học, đặc biệt là ở các khu vực miền núi và vùng sâu, vùng xa. Sự chênh lệch này phản ánh rõ sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận giáo dục bậc cao giữa các vùng miền trong tỉnh (Phạm Thị Oanh, 2023).

### *3.3. Những yếu tố tác động đến bình đẳng giới trong giáo dục tại Việt Nam*

Đầu tiên là tác động của chính sách pháp luật: hệ thống thể chế, luật pháp và các chính sách trong giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự bất bình đẳng giới. Trong thời kỳ phong kiến, chỉ nam giới được phép tham gia thi cử và học tập, trong khi phụ nữ, dù thuộc tầng lớp cao, vẫn bị hạn chế tham gia các kỳ thi. Hiện nay, sự gia tăng học phí trong giáo dục đại học cũng là một yếu tố làm tăng bất bình đẳng này (Vũ Thị Lụa, 2023). Hiện nay, Việt Nam đã có một hệ thống pháp luật khá hoàn chỉnh bảo vệ quyền lợi của trẻ em, bao gồm quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng cho cả nam và nữ. Các văn bản pháp lý như Hiến pháp năm 2013, Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi 2018) và Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 đều khẳng định quyền học tập bình đẳng cho cả hai giới. Tuy nhiên, trong thực tế, những chính sách này vẫn chưa được thực hiện đầy đủ và đồng đều ở các khu vực khác nhau, đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số.

Thứ hai, vẫn còn tồn tại những rào cản lớn, đặc biệt là trong nhận thức và hành vi của cộng đồng. Các quan niệm truyền thống như “con gái chỉ cần lấy chồng mà không cần học nhiều” hay “con gái nên làm việc nhà giúp đỡ bố mẹ, để con trai đi học” vẫn còn tồn tại trong nhiều

hộ gia đình, đặc biệt ở các vùng nông thôn và miền núi. Điều này phản ánh sự phân biệt rõ rệt về vai trò của con gái trong gia đình và xã hội, từ đó ảnh hưởng đến cơ hội giáo dục của các em gái. Hơn nữa, tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” và quan niệm định kiến cho rằng con gái không cần học cao vẫn còn tồn tại trong xã hội Việt Nam. Những quan niệm này tác động mạnh mẽ đến quyết định đầu tư giáo dục của các gia đình, khi nhiều gia đình ưu tiên đầu tư cho con trai vì tin rằng con trai sẽ có cơ hội nghề nghiệp tốt hơn con gái, dẫn đến việc phụ nữ ít tham gia vào các bậc học cao hơn và làm gia tăng sự bất bình đẳng (Vũ Thị Lụa, 2023). Bên cạnh đó, khác biệt trong hành vi và kỳ vọng xã hội đối với nam giới và nữ giới là một vấn đề quan trọng cần được nghiên cứu. Điều này bao gồm các yếu tố như mối quan hệ giữa hai giới, công việc họ thực hiện, phương thức giao tiếp, phong cách ăn mặc và vị thế của mỗi giới trong xã hội. Hơn nữa, xã hội thường xuyên đánh giá nam và nữ một cách khác nhau, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các cơ hội mà mỗi giới có thể tiếp cận. Những sự khác biệt này không phải do bản chất tự nhiên mà phát sinh từ cấu trúc xã hội và phản ánh nền văn hóa sống động của chúng ta, thường thay đổi theo thời gian. Giới tính không chỉ là vấn đề riêng của phụ nữ và trẻ em gái hay nam giới và trẻ em trai, mà còn liên quan đến mối quan hệ tương tác giữa hai giới (Tổ chức Plan International Việt Nam và Vụ Bình đẳng giới - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2016).

Trong nghiên cứu về các rào cản tiếp cận giáo dục đối với trẻ em gái từ góc độ hộ gia đình ở tỉnh Hòa Bình, nhóm tác giả đã chỉ ra rằng, rào cản trong việc tiếp cận giáo dục của trẻ em gái tại tỉnh Hòa Bình phần lớn xuất phát từ các quan niệm truyền thống về vai trò của phụ nữ trong gia đình (Nguyễn Trung Hải và cộng sự, 2023). Những gia đình chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các giá trị này thường không đầu tư nhiều cho việc học của con gái như con trai. Thậm chí, nhiều gia đình dễ dàng cho phép con gái nghỉ học nếu phải đối mặt với việc kết hôn hoặc mất hứng thú với học hành. Những định kiến này tạo thành rào cản lớn đối với quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em gái. Cụ thể, kết quả khảo sát 120 hộ gia đình, được chọn ngẫu nhiên theo phương pháp định mức được tiến hành nhằm thu thập thông tin về nhận thức của cộng đồng đối với giáo dục của trẻ em gái, những quan niệm truyền thống về vai trò của con gái trong gia đình, và các yếu tố xã hội có thể cản trở việc học của trẻ em gái. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng 47,5% số hộ gia đình tham gia cho rằng cộng đồng vẫn duy trì quan niệm “Con gái chỉ cần lấy chồng mà không cần học nhiều” điều này phản ánh sự phân biệt rõ rệt trong nhận thức về vai trò của trẻ em gái trong gia đình. Đồng thời, 49,2% người tham gia khảo sát cho biết họ vẫn ủng hộ quan niệm “Con gái nên làm việc nhà giúp đỡ bố mẹ, để con trai đi học”. Những quan niệm này cho thấy sự phân công công việc gia đình theo giới tính, qua đó cản trở việc học của trẻ em gái, khi các em phải dành nhiều thời gian làm việc nhà và không

có đủ thời gian học tập. Ngoài ra, khảo sát cũng chỉ ra rằng 30,8% người được hỏi thừa nhận con gái thường ít được thầy cô chú ý và đối xử không công bằng so với các bạn trai. Điều này phản ánh sự phân biệt giới trong môi trường học đường, làm giảm động lực học tập và tạo ra những rào cản tâm lý cho trẻ em gái. Bên cạnh khảo sát, nhóm nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sâu 4 trẻ em gái, 4 thành viên hộ gia đình và 2 cán bộ chính quyền địa phương. Những cuộc phỏng vấn này giúp làm rõ hơn các vấn đề mà trẻ em gái gặp phải trong quá trình học tập, đặc biệt là sự phân biệt giới tính và bạo lực học đường. Một trong những kết quả phỏng vấn cho thấy nhiều em gái phải đối mặt với bạo lực học đường, như bị bạn bè bắt nạt, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý và động lực học tập của các em.

*Thứ ba*, tại các khu vực sâu, xa và dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế còn khó khăn và chi phí giáo dục cao khiến nhiều gia đình không đủ khả năng cho tất cả con cái đi học. Khi phải lựa chọn, các gia đình thường ưu tiên cho con trai. Cùng với việc cơ sở hạ tầng hạn chế và khó khăn trong di chuyển, đặc biệt là đối với trẻ em gái, tình trạng này càng trở nên nghiêm trọng (Vũ Thị Lụa, 2023).

*Thứ tư*, phong tục tảo hôn tại các dân tộc thiểu số đã cản trở cơ hội giáo dục của trẻ em gái. Khi kết hôn sớm và phải chăm sóc gia đình, các em gái không thể tiếp tục học tập.

*Thứ năm*, trình độ học vấn của cha mẹ và nhận thức thiếu sót về tầm quan trọng của giáo dục và bình đẳng giới cũng ảnh hưởng đến cơ hội học tập của con cái. Nếu cha mẹ nhận thức được về bình đẳng giới trong giáo dục, họ sẽ tạo ra cơ hội học tập bình đẳng cho con cái của mình, bất kể là trai hay gái.

Hiện nay, vẫn còn nhiều thách thức trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, đặc biệt là trong việc thực hiện các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới trong giáo dục (Lê Hồng Ngọc Bích, 2023). Các vấn đề như phân công lao động theo giới tính, phân biệt giới trong việc chọn ngành nghề và sự chênh lệch giới tính trong các vị trí công việc và mức lương vẫn tồn tại và cần được giải quyết. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập và phát triển, phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội để khẳng định vai trò và tham gia vào các quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, sự phân công lao động cứng nhắc theo giới đã hạn chế khả năng tham gia của phụ nữ vào nền kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống gia đình và nguồn nhân lực xã hội. Việc loại bỏ phân công lao động theo giới và xóa bỏ định kiến giới trong việc lựa chọn ngành nghề sẽ tạo động lực mạnh mẽ để thực hiện các biện pháp bình đẳng giới, tiến tới một xã hội công bằng hơn, nơi nam và nữ có thể đảm nhận các vai trò tương đương và phát huy tối đa năng lực của mình. Có thể thấy rằng, sự phân biệt giới trong giáo dục không phải là vấn đề mới, mà là kết quả của các định kiến xã hội và phân công lao động trong gia đình. Những yếu tố này ảnh hưởng lớn đến cơ hội học tập và phát triển của trẻ em gái, đặc biệt ở các

vùng miền khó khăn. Các giải pháp như giáo dục giới tính, công tác xã hội và các chính sách bình đẳng giới cần được đẩy mạnh để xây dựng một môi trường giáo dục công bằng hơn, giúp cả nam và nữ phát huy tối đa tiềm năng của mình.

### 3.4. Một số giải pháp nhằm giảm thiểu sự bất bình đẳng giới trong giáo dục ở Việt Nam

Để giảm sự bất bình đẳng giới trong giáo dục cần có sự tham gia của nhiều đối tượng trong xã hội, bao gồm các nhà quản lý giáo dục, giáo viên, phụ huynh và học sinh. Các biện pháp như điều chỉnh nội dung chương trình giảng dạy, tăng cường giáo dục về giới tính, cải thiện đào tạo cho giáo viên, thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ và người đồng tính trong các quyết định và công tác quản lý giáo dục, cùng với việc xây dựng môi trường học tập bình đẳng giới, sẽ giúp giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng trong giáo dục.

Để nâng cao hiệu quả của các giải pháp, cần sự hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức xã hội trong thực hiện các giải pháp một cách có tổ chức, toàn diện và đồng bộ. Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ và đầu tư để nâng cao nhận thức về giới và bất bình đẳng giới cho giáo viên, xây dựng môi trường học tập bình đẳng giới, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ và người đồng tính trong các quyết định và quản lý giáo dục (Nguyễn Minh Tuấn, 2023).

Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng những thành công trong việc thúc đẩy bình đẳng giới tại các quốc gia như Áo và Đức có thể là bài học quý báu cho Việt Nam trong việc tạo dựng môi trường giáo dục bình đẳng. Sự tham gia của nữ giới vào các vị trí ra quyết định trong các trường đại học và tạo ra cơ hội nghề nghiệp công bằng là những điểm cần học hỏi. Ví dụ như, nghiên cứu về bình đẳng giới của quốc tế và định hướng thực hiện bình đẳng giới cho Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục đại học đã phân tích và đánh giá các đóng góp của chính sách bình đẳng giới tại các trường đại học ở Áo và Đức (Nguyễn Thị Hoài Anh và Nguyễn Quỳnh Nga, 2023). Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, chủ yếu từ các báo cáo, sách báo, và tạp chí đã công bố. Các quốc gia này đã thúc đẩy sự tham gia của nữ giới vào các vị trí ra quyết định trong

các trường đại học, qua đó tạo ra những dấu hiệu tích cực trong việc phá bỏ các rào cản đối với sự nghiệp thăng tiến của phụ nữ. Những thành công này của Áo và Đức có thể là bài học quý báu cho Việt Nam trong việc thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục đại học. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng môi trường học tập an toàn và bình đẳng cho học sinh, góp phần nâng cao nhận thức và giảm thiểu sự phân biệt giới trong giáo dục.

### 4. Kết luận

Những nghiên cứu về giới trong giáo dục tại Việt Nam đã chỉ ra rằng mặc dù có những tiến bộ nhất định, nhưng bất bình đẳng giới trong giáo dục vẫn còn tồn tại, đặc biệt là trong các khu vực nông thôn và miền núi. Các yếu tố như định kiến giới, quan niệm truyền thống về vai trò của giới trong gia đình và sự phân biệt trong môi trường học đường vẫn đang ảnh hưởng đến cơ hội học tập của học sinh, đặc biệt là học sinh nữ. Các công trình nghiên cứu đã đề xuất nhiều giải pháp như điều chỉnh chương trình giảng dạy, tăng cường giáo dục về giới tính, cải thiện công tác đào tạo giáo viên và xây dựng môi trường học tập bình đẳng giới. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu bình đẳng giới trong giáo dục, cần có sự tham gia đồng bộ từ các bên liên quan, bao gồm chính phủ, các tổ chức xã hội, giáo viên, phụ huynh và học sinh. Các giải pháp như điều chỉnh chương trình giảng dạy, nâng cao giáo dục về giới tính, tạo ra môi trường học tập không có sự phân biệt giới và những thành công quốc tế cũng có thể được áp dụng để cải thiện tình hình giáo dục tại Việt Nam, từ đó giảm thiểu sự phân biệt giới và tạo ra cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả học sinh. ○

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Tài liệu hướng dẫn: Lồng ghép giới và chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
- [2]. Kỷ yếu Hội thảo khoa học, “*Bình đẳng giới trong giáo dục*”, Trường Đại học Lao động - Xã hội cơ sở 2, TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Tài Chính.
- [3]. Plan International (2016), *Gender awareness, a component of Girls - Leaders of Change - a series of documents on gender equality and girls' rights*.

## OVERVIEW OF SOME STUDIES ON GENDER EQUALITY IN EDUCATION IN VIETNAM

Le Hoang Tuan - Vo Thi Thanh Nhan - Ngo Dai Hung

Thu Dau Mot University

Email: hungnd@tdmu.edu.vn

**Abstract:** Currently, the researches on gender equality in Vietnam have shown that gender inequality in education still exists, especially for girls. This article focuses on analyzing the importance of improving social awareness, adjusting the curriculum and building a gender-neutral learning environment to promote gender equality in education in Vietnam.

**Keywords:** Gender equality, education, gender inequality.